

TÌM HIỂU VỀ CẤU TRÚC “V₁-EO V₂” TRONG TIẾNG HÀN

Lê Anh Phương*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài: 01/06/2020; Hoàn thành phản biện: 22/07/2020; Duyệt đăng: 25/08/2020

Tóm tắt: Tiếng Hàn cũng có các động từ mới được cấu tạo bằng cách ghép một động từ với một động từ khác giống với tiếng Việt hay tiếng Anh và tùy vào trường hợp mà có hay không có sự khác biệt về ngữ nghĩa của hai động từ thành phần hợp lại so với động từ ghép mới. Trong bài nghiên cứu này, người nghiên cứu sẽ tập trung giới thiệu và phân tích về bốn loại cấu trúc câu động từ ghép “V₁-eo V₂” thông dụng và được biết đến nhiều nhất trong tiếng Hàn. Qua đó, người nghiên cứu hy vọng rằng có thể phần nào giúp sinh viên Việt Nam học tiếng Hàn có cái nhìn rõ nét hơn về cấu trúc câu này, dễ dàng phân biệt các cấu trúc câu tương tự nhau cũng như có cách đối chiếu ngữ nghĩa và biết cách viết cách các động từ gheptiếng Hàn phù hợp, chuẩn xác hơn.

Từ khóa: V₁-eo V₂, ngữ pháp tiếng Hàn, ngữ nghĩa

1. Đặt vấn đề

Trong tiếng Hàn có rất nhiều cấu trúc câu động từ ghép (V₁-V₂) như “V₁-eo V₂”, “V₁-go V₂”, “V₁-da V₂”, “V₁-ge V₂”, “V₁-ji V₂”, “V₁-eoya V₂”, “V₁-goya V₂”... và trong đó, cấu trúc câu động từ ghép “V₁-eo V₂” là phổ biến và được nghiên cứu nhiều nhất. Tùy vào mỗi học giả mà cấu trúc câu “V₁-eo V₂” được chia thành nhiều loại, tuy nhiên cấu trúc này đang được chia thành bốn loại chính đó là Cấu trúc câu động từ tiếp nối, Cấu trúc câu động từ hợp nhất, Cấu trúc câu động từ bổ trợ và Cấu trúc câu động từ liên chuỗi. Các cấu trúc câu này có điểm chung là có sự kết hợp trực tiếp giữa hai thành phần động từ nhờ vĩ tố liên kết -a/eo/yeo (gọi đại diện là vĩ tố liên kết -eo) tạo nên 1 động từ mới hoàn chỉnh và có những điểm khác nhau cơ bản về cả ngữ nghĩa và cú pháp như yếu tố chuyển dịch nghĩa của động từ (so với nghĩa của hai động từ cấu thành kết hợp lại), khả năng thêm bổ ngữ và trạng từ của động từ cấu thành đứng sau, khoảng hở khi viết và khi nói... Tuy nhiên có một thực tế là mặc dù được sử dụng một cách rộng rãi nhưng các khái niệm cấu trúc câu này vẫn còn khá xa lạ trong cộng đồng người Việt Nam học tiếng Hàn. Chính vì thế, cần có những bài nghiên cứu giúp người học tiếng Hàn tại Việt Nam nói chung và sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nói riêng có cái nhìn tổng quan, sơ lược về các loại cấu trúc câu “V₁-eo V₂” đặc biệt và thông dụng.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm động từ ghép

Liên quan đến khái niệm của động từ ghép, Collins (1987) đã từng định nghĩa rằng “Phrasal Verbs is a phrasal verb is a combination of a verb and an adverb or preposition, for example “shut up” or “look after”, which together have a particular meaning” (Tạm dịch: Một cụm động từ là sự kết hợp của một động từ và một trạng từ hoặc giới từ, ví dụ như “im lặng” hoặc “trông coi”, chúng cùng có một ý nghĩa cụ thể.)

* Email: kepta.kami317@gmail.com

Ngoài ra, về khái niệm của Động từ chuỗi - một khái niệm rất gần và rất liên quan đến động từ ghép, Tallerman (1998, tr.79-81) đã nói rằng “Serial Verb construction is also known as (verb) serialization or verb stacking, is a syntactic phenomenon in which two or more verbs or verb phrases are strung together in a single clause” (Tạm dịch: Cấu trúc động từ liên chuỗi còn được gọi là nối tiếp động từ hoặc xếp chồng động từ, là một hiện tượng cú pháp trong đó hai hoặc nhiều động từ hoặc cụm động từ được kết hợp với nhau trong một mệnh đề).

Tiếng Việt hiện nay có rất nhiều động từ được tạo thành bằng cách ghép các động từ với nhau hoặc ghép động từ với một danh từ, tính từ hay một hình vị trống nghĩa theo những loại quan hệ nhất định. Lê Đình Tư (2011) đã khái quát các cách ghép động từ như sau:

- Ghép động từ với động từ: *học tập, buôn bán, chạy nháy, mua sắm, gào thét, vay mượn, ăn uống, thay đổi, ăn chơi.*
- Ghép động từ với danh từ: *ra lệnh, trả lời, làm dáng, làm khách, nói chuyện, đánh thuê.*
- Ghép động từ với tính từ: *làm cao, làm giàu, nói cứng, nói khó, đánh ghen, nghỉ mát, đổi mới.*
- Ghép động từ với một hình vị trống nghĩa (hoặc được coi là trống nghĩa): *viết lách, chạy chọt, rửa ráy, nói năng, sửa sang.*

Ngoài ra, còn có thể ghép danh từ hoặc tính từ với động từ để tạo ra động từ, ví dụ: công nghiệp hóa, bình thường hóa, chính trị hóa, mưu toan, mưu sát, buồn ngủ, nóng chảy, nóng ăn.”

Với đặc trưng là ngôn ngữ chấp dính, trong tiếng Hàn, động từ mới có thể được tạo ra bằng cách ghép hai động từ với nhau bằng vĩ tố liên kết. Các động từ được ghép lại theo dạng này có thể kể đến “V₁-eo V₂”, “V₁-go V₂”, “V₁-da V₂”, “V₁-ge V₂”, “V₁-ji V₂”, “V₁-eoya V₂”, “V₁-goya V₂”,... (Lê Anh Phương, 2018).

2.2. Cấu trúc câu động từ ghép “V₁-eo V₂” trong tiếng Hàn Quốc

Trong tiếng Hàn, cấu trúc câu động từ ghép “V₁-eo V₂” là cấu trúc (V₁-V₂) phổ biến và được nghiên cứu nhiều nhất. Đa số các học giả Hàn Quốc đang chia cấu trúc “V₁-eo V₂” thành bốn loại chính đó là Cấu trúc câu động từ tiếp nối, Cấu trúc câu động từ hợp nhất, Cấu trúc câu động từ bổ trợ và Cấu trúc câu động từ liên chuỗi.

Cấu trúc câu động từ tiếp nối là câu mà trong đó, cả hai hành động mà hai thành phần động từ cấu thành biểu đạt đều được diễn ra. Ryu Shijong (1995) cũng đã khái quát rằng, cấu trúc câu động từ tiếp nối có ý nghĩa rõ ràng, dễ dàng phân biệt giữa hai thành phần động từ cấu thành trước và sau cũng như dễ dàng phân biệt với các cấu trúc câu khác.

Cấu trúc câu động từ hợp nhất trong tiếng Hàn có rất nhiều định nghĩa, tuy nhiên chung quy lại thì nó là câu có động từ được cấu thành từ hai thành phần là hai động từ riêng biệt và được kết hợp với nhau một cách chặt chẽ về ngữ nghĩa. Theo Heo Ung (1975), cấu trúc câu động từ hợp nhất là từ có hai gốc mà hai hình vị gốc đó liên kết rất chặt chẽ với nhau, do đó không thể chèn ghép thêm bất cứ cái gì khác vào giữa hai hình vị gốc đó nữa. Lee Huiseung (1955) thì khái quát rằng, động từ hợp nhất là động từ được tạo thành bằng chất liệu là 2 động từ độc lập trở lên.

Trong tiếng Hàn, động từ bổ trợ là động từ được hình thành do sự kết hợp giữa hai thành phần là động từ cấu thành chính ở trước và động từ cấu thành phụ đứng sau. Kim Gihyeok 192

(1981) đã định nghĩa cấu trúc câu động từ bổ trợ là cấu trúc mà trong đó, động từ đứng sau đứng dựa vào động từ đứng trước về mặt cú pháp và có nhiệm vụ bổ sung ý nghĩa cho động từ trước.

Cuối cùng, khái niệm cấu trúc câu động từ liên chuỗi vẫn còn là một khái niệm tương đối mới trong nghiên cứu ngôn ngữ Hàn Quốc và vì thế, đây vẫn còn là một chủ đề gây ra nhiều tranh cãi. Thậm chí có một số học giả Hàn cho rằng không cần thiết phải xây dựng khái niệm cấu trúc câu động từ liên chuỗi trong tiếng Hàn

3. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu, phân tích các cấu trúc câu động từ ghép “V₁-eo V₂” trong tiếng Hàn, người nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- **Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lí thuyết:** phương pháp này được sử dụng nhằm sắp xếp các tài liệu nghiên cứu theo từng nhóm, đồng thời hệ thống hóa các kiến thức liên quan đến cấu trúc câu động từ ghép “V₁-eo V₂” thành một hệ thống hoàn chỉnh;

- **Phương pháp miêu tả:** phương pháp này được sử dụng nhằm xác định nội dung, ý nghĩa của các động từ được sử dụng trong cấu trúc câu “V₁-eo V₂”, từ đó xác định vai trò của từng thành phần trong động từ của câu;

- **Phương pháp phân tích-tổng hợp:** phương pháp này được sử dụng để phân tích nội dung ngữ nghĩa của các động từ được sử dụng trong cấu trúc câu “V₁-eo V₂”;

- **Phương pháp so sánh đối chiếu:** phương pháp này được sử dụng để đối chiếu ý nghĩa của các động từ thuộc phạm vi nghiên cứu trong tiếng Hàn sang các đơn vị tương đương trong tiếng Việt.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Cấu trúc câu động từ tiếp nối (접속동사구문)

Trong câu động từ tiếp nối, cả hai thành phần động từ cấu thành nên động từ của câu đều được mang nghĩa đen vốn dĩ của nó, nghĩa là cả hai hành động mà hai thành phần động từ cấu thành biểu đạt đều được diễn ra theo thứ tự trước-sau. Trong tiếng Hàn, câu động từ tiếp nối có dạng “động từ trước-eo động từ sau” (V₁-eo V₂) hoặc có thể viết thành dạng đầy đủ hơn là “động từ trước-eo seo động từ sau” (V₁-eo seo V₂). Như trong ví dụ (1) dưới đây có thể thấy, trong cấu trúc câu động từ tiếp nối trong tiếng Hàn, ta có thể thêm hoặc không thêm vĩ tố liên kết -seo (ví dụ 1b), có thể thêm trạng từ hoặc định ngữ vào giữa hai thành phần động từ cấu thành để bổ nghĩa cho động từ cấu thành ở sau (ví dụ 1b’), có thể phân tách và di chuyển tự do vị trí các động từ thành phần (ví dụ 1b’). Chính vì thế, cấu trúc câu động từ tiếp nối trong tiếng Hàn rất dễ xác định và dễ dàng phân biệt với các cấu trúc câu ghép khác bằng các dấu hiệu phân biệt như (+có khả năng chèn vĩ tố -eo vào giữa), (+có khả năng chèn trạng từ của động từ sau vào giữa), (+có khả năng phân tách 2 động từ).

- 1) a: 너는수아에게선물을주었어? (Cậu đã tặng quà cho SuA chưa?)
 b: 응, 만들어(서) 줬어. (Rồi, mình tự làm tự tặng rồi.)
 b’: 응, 만들어서조금전에줬어. (Rồi, mình tự làm rồi lúc nãy vừa tặng rồi.)
 b’’: 응, 줬어, 예쁘게만들어서. (Rồi, mình tặng rồi, tự làm đẹp lắm luôn.)

4.2. Cấu trúc câu động từ hợp nhất (합성동사구문)

Cấu trúc câu động từ hợp nhất trong tiếng Hàn có rất nhiều định nghĩa, tuy nhiên chung quy lại thì nó là câu có động từ được cấu thành từ hai thành phần là hai động từ riêng biệt và được kết hợp với nhau một cách chặt chẽ về ngữ nghĩa. Đặc điểm quan trọng nhất của động từ hợp nhất đó là thứ nhất, vì động từ hợp nhất được xem như một động từ mới-hoàn toàn thống nhất và hoàn chỉnh, nên không thể phân tách và di chuyển tự do các động từ cấu thành của nó và thứ hai, nghĩa của động từ hợp nhất sẽ có sự khác biệt nhất định so với nghĩa của hai động từ thành phần kết hợp lại (ý nghĩa nâng cao: 의미의상승화)

- 2) a. 아버지께서지병으로돌아(*-서) 가셨다.
b. 화장실은오른쪽으로돌아(-서) 쪽가시면됩니다.

Như ở ví dụ (2a) ta có thể thấy, vì 돌아가시다 (v: chết, mất) là động từ hợp nhất nên không thể thêm thành phần “-서” (-seo) vào được, còn vì 돌아가시다 (v: quay lại, vòng lại và đi thẳng) ở ví dụ (2b) là động từ tiếp nối nên có thể thêm vĩ tố liên kết “-서” (-seo) vào giữa cũng như có thể thêm trạng từ 쪽 (adv: tuốt, thẳng, miết) được. Ngoài ra, 돌아가시다 là kính ngữ của từ “chết” và nghĩa của nó sẽ hoàn toàn khác với nghĩa của hai từ 돌아 (v: xoay) và 가다 (v: đi) hợp lại.

4.3. Cấu trúc câu động từ bổ trợ (보조동사구문)

Trong tiếng Hàn, động từ bổ trợ là động từ được hình thành do sự kết hợp giữa hai thành phần là động từ cấu thành chính ở trước và động từ cấu thành phụ đứng sau. Động từ đứng sau này có nhiệm vụ bổ trợ về mặt ngữ nghĩa cho động từ chính và có các đặc điểm như thứ nhất, có tính phụ thuộc về mặt cú pháp nên không thể đứng một mình mà không có động từ chính và thứ hai, nghĩa được sử dụng khi làm động từ bổ trợ là nghĩa khác hoàn toàn với nghĩa đen vốn dĩ của nó.

- 3) a. 드디어지갑을찾아냈다. (Cuối cùng thì tôi cũng tìm được ví rồi.)
b. 드디어지갑을찾았다. (Cuối cùng thì tôi cũng tìm (thấy) ví rồi.)
c. *드디어지갑을냈다. (*Cuối cùng thì tôi cũng trả ví rồi.)

Trong ví dụ (3a), “찾아내다” là cấu trúc động từ bổ trợ có nghĩa là “tìm ra cái gì đó”, trong đó, “찾다” là động từ chính có nghĩa là “tìm kiếm” và “-아내다” là động từ có chức năng bổ trợ có nghĩa là “làm gì đó một cách thành công”. Dễ có thể thấy rằng cho dù không có động từ bổ trợ “-아내다”, một mình động từ chính “찾다” vẫn có thể cấu thành được câu (ví dụ 3b) nhưng nếu không có động từ chính thì một mình động từ bổ trợ không thể cấu thành câu được (ví dụ 3c). Ngoài ra, nghĩa vốn dĩ của động từ “내다” có nghĩa là trả, nộp, hoàn toàn khác với nghĩa của động từ bổ trợ “-아내다” là làm gì đó một cách thành công.

4.4. Cấu trúc câu động từ liên chuỗi (연쇄동사구문)

Cấu trúc câu động từ liên chuỗi là một khái niệm đang còn gây tranh cãi trong tiếng Hàn. Một số học giả Hàn Quốc xem cấu trúc câu động từ liên chuỗi và Serial Verb Construction-khái niệm câu có động từ ghép trực tiếp với động từ được các học giả nghiên cứu tiếng Anh đưa ra, là hai khái niệm giống nhau và một số học giả khác thì cho rằng không cần thiết phải xây dựng khái niệm cấu trúc câu động từ liên chuỗi trong tiếng Hàn vì một số đặc điểm cú pháp của tiếng Hàn rất khác với tiếng Anh.

Khái niệm về cấu trúc câu động từ liên chuỗi (Serial Verb Construction) được Haspelmath (2015, tr.6) khái quát như sau:

- a. Cấu trúc câu
- b. Mệnh đề đơn
- c. Động từ độc lập
- d. Không có yếu tố liên kết
- e. Không có quan hệ vị từ - tham tố giữa các động từ

Một trong những ví dụ điển hình nhất của cấu trúc câu động từ liên chuỗi được các học giả tiếng Anh đưa ra là “go eat”, “come see”. Dễ thấy trong câu “Let’s go eat lunch!”, chúng ta không thể chuyển nghĩa thành “Hãy đi và ăn thôi!” mà phải hiểu nó như câu “Hãy đi ăn thôi!” hoặc “Hãy đi (đề) mà ăn thôi!”. Nghĩa rằng trong câu “Let’s go eat lunch!”, cụm động từ “go eat” không mang nghĩa thứ tự trước-sau mà mang nghĩa “hành động-mục đích của hành động” và ý nghĩa này chỉ có thể được thể hiện bằng cấu trúc ngữ pháp “V₁-(으)려고 V₂” hoặc “V₁-(으)러 V₂” trong tiếng Hàn.

Trong khi đó, các ví dụ điển hình về cấu trúc động từ liên chuỗi trong tiếng Hàn có ý nghĩa hoàn toàn khác với ý nghĩa của cấu trúc động từ liên chuỗi đang được hình dung trong tiếng Anh. Trong các cấu trúc câu động từ liên chuỗi điển hình của tiếng Hàn, hai động từ cấu thành không chỉ đơn giản có mối quan hệ “trước-sau” như câu động từ tiếp nối hay “hành động-mục đích của hành động” như câu động từ liên chuỗi trong tiếng Anh mà mang ý nghĩa “động từ trước là phương thức làm hành động sau” hoặc “hai hành động được diễn ra đồng thời, không thể phân định, chia tách ra hành động nào làm trước, hành động nào làm sau được” (Lê Anh Phương, 2018).

Thử phân tích nghĩa của từng thành phần trong câu “뛰어가지말고걸어가세요.” (Đừng chạy (đi) mà cứ bước đi thôi.) và câu “너는밥은사먹어? 집에서해먹어?” (Bạn mua cơm ăn hay là tự nấu cơm ăn?), chúng ta sẽ có kết quả sau:

뛰	어	가	지말	고	걸	어	가	세요.
chạy	(vĩ tố liên kết)	đi	đừng	và/mà	bước	(vĩ tố liên kết)	đi	hãy

너	는	밥	은	사	먹	어?	집	에서	해	먹	어?
(ngôi số 2)	(trợ từ)	com	(trợ từ)	mua	ăn	(vĩ tố kết thúc câu)	nhà	(trợ từ ở)	làm	ăn	(vĩ tố kết thúc câu)

Dễ thấy trong câu “뛰어가지말고걸어가세요.”, động từ “뛰어가다”, “걸어가다” trong tiếng Hàn không thể được dịch là “chạy và đi”, “bước và đi” mà phải xem như nó có nghĩa là “đi bằng cách chạy”, “đi bằng cách bước” hoặc cũng có thể xem hai hành động “đi” và “chạy” hoặc “đi” và “bước” diễn ra đồng thời. Trong câu “너는밥은사먹어? 집에서해먹어?”, vì người hỏi đang muốn hỏi về cách thức đối phương có được đồ để ăn chứ không hỏi thứ tự của các hành động, nên động từ “사먹다”, “해먹다” nên được dịch là “mua (mà) ăn”, “nấu (mà) ăn” thay vì “mua và ăn” (사(서) 먹다), “nấu và ăn” (해(서) 먹다) như trong câu động từ tiếp nối. Cấu trúc câu động từ liên chuỗi trong tiếng Hàn vẫn còn là một khái niệm mới mẻ, phức tạp và chưa được hệ thống hóa; tuy nhiên trong nghiên cứu này, người nghiên cứu để khoảng hở

giữa hai động từ thành phần nếu một câu động từ liên chuỗi mang nghĩa “động từ trước là phương thức làm hành động sau” và viết sát hai động từ thành phần nếu câu động từ liên chuỗi mang nghĩa “hai động từ đó được diễn ra đồng thời, không thể phân định, chia tách ra hành động nào làm trước, hành động nào làm sau được”. Tuy nhiên, vì không mang ý nghĩa “trước-sau” nên cho dù được viết hở hay viết sát hai động từ cấu thành thì cấu trúc câu động từ liên chuỗi cũng không có khả năng thêm vĩ tố liên kết “-seo” vào giữa hai động từ cấu thành. Ngoài ra, không có sự nâng cao ý nghĩa nào của hai động từ cấu thành so với động từ liên chuỗi được cấu thành.

5. Thảo luận và đề xuất

Có nhiều ý kiến cho rằng, các cấu trúc câu “ V_1 -eo V_2 ” này quá phức tạp, bản thân người học không cần biết quá nhiều, chỉ cần biết sử dụng là đủ. Nhưng thiết nghĩ, với một loại ngôn ngữ có đặc trưng chắp dính, có các khoảng hở đặc trưng khi nói và khi viết như tiếng Hàn Quốc, việc không phân biệt được các cấu trúc câu thuộc nhóm “ V_1 -eo V_2 ” này là một sai sót lớn bởi mặc dù cùng có dạng “ V_1 -eo V_2 ” nhưng tùy vào việc động từ đó là cấu trúc động từ loại gì mà ta phải có cách viết hở hay viết sát chính xác, có được chen bỏ ngữ, trạng từ vào giữa hay không. Hơn nữa, những sự thay đổi nhất định về mặt ngữ nghĩa của động từ được cấu thành và các động từ thành phần tham gia cấu thành là rất quan trọng và cần phải được nghiên cứu, học tập chuyên sâu.

Chính vì thế, giảng viên cần nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của việc giảng dạy chuyên sâu các dạng cấu trúc câu như thế này, không chỉ riêng về mặt ý nghĩa và còn về mặt cú pháp, ngữ dụng; không chỉ riêng một loại cấu trúc câu nào mà phải chú trọng so sánh các loại cấu trúc câu có hình thức giống nhau để qua đó, giúp sinh viên dễ dàng tìm được sự khác biệt trong ý nghĩa và phương pháp sử dụng. Đồng thời, sinh viên học tiếng Hàn cũng cần chủ động hơn trong việc tìm tòi các giáo trình ngữ pháp nâng cao để có thể hiểu sâu hơn loại cấu trúc câu thông dụng này trong tiếng Hàn để có thể sử dụng thuần thục và phù hợp.

6. Kết luận

Từ những kết quả nghiên cứu trên đây, người nghiên cứu đi đến kết luận sau:

Giống với tiếng Anh hay tiếng Việt, tiếng Hàn cũng có các cấu trúc câu động từ ghép, tuy nhiên cách ghép hai động từ trong tiếng Hàn đa dạng với nhiều vĩ tố liên kết hơn tiếng Anh và tiếng Việt nhiều.

Cấu trúc câu “ V_1 -eo V_2 ” hiện tại có thể chia thành bốn loại là Cấu trúc câu động từ tiếp nối, Cấu trúc câu động từ hợp nhất, Cấu trúc câu động từ bổ trợ và Cấu trúc câu động từ liên chuỗi; và tùy vào việc một cấu trúc “ V_1 -eo V_2 ” thuộc nhóm cấu trúc gì mà nó phải được viết sát hay viết hở, có được chen trạng từ hay bỏ ngữ vào giữa không, ý nghĩa của từng thành phần cấu tạo nên động từ so với ý nghĩa chính của cả động từ khác nhau hay giống nhau. Nhờ vào đó, chúng ta có thể dùng chính những đặc điểm này để xác định xem một cấu trúc “ V_1 -eo V_2 ” thuộc nhóm cấu trúc câu nào dựa theo bảng phân loại đặc điểm sau.

	Cấu trúc câu động từ tiếp nối	Cấu trúc câu động từ hợp nhất	Cấu trúc câu động từ bổ trợ	Cấu trúc câu động từ liên chuỗi
Khoảng hở giữa hai động từ cấu	+	-	+	±

thành				
Có thể thêm vĩ tố liên kết “-seo”	+	-	-	-
Ý nghĩa nâng cao	-	+	+	-

Tài liệu tham khảo

Harper, C. (1987). *Collins cobuild advanced learner's English dictionary*. New York: Harper Collins.
 Heo Ung (1975). *우리옛말본*. 샘문화사
 Kim Gihyeok(1981). *국어합성동사의 생성적연구*. 연세대학교석사학위논문.
 Lee Huiseung (1955). *국어학개설*. 민중서관.
 Lê Đình Tư (2011). *Động từ tiếng Việt*. Trích xuất ngày 06/02/2020 từ: <https://ngnnghc.wordpress.com/2011/01/08/d%E1%BB%99ng-t%E1%BB%AB/>.
 Lê Anh Phương (2018). *Study of “V-eo juda” sentence in Korean*. Luận văn Thạc sĩ chưa xuất bản. Trường Đại học SeMyung.
 Ryu Shijong (1995). *한국어“-어주다”구문에 대한연구*. *언어학*, 17호, 한국언어학회, 99-114.
 Tallerman, M. (1998). *Understanding syntax*. London: Arnold.

STUDY OF “V₁-EO V₂” CONSTRUCTION IN KOREAN

Abstract: Like Vietnamese and English, Korean also has new verbs formed by combining a verb with another verb. However, there are many differences between this construction in the Korean and the two languages above, for example, the connective ending, the meaning’s difference and the word spacing. In this study, the researcher will focus on introducing and analyzing the 4 most common and well-known “V₁-eo V₂” sentence structions in Korean. Thereby, the researcher hopes that it can partly help Vietnamese students to learn Korean with a clearer view about “V₁-eo V₂” constructions.

Keywords: “V₁-eo V₂”, Korean grammar, meaning